CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông

Ngày 30/09/2025	27,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.8%	**5.7%**	**8.8%**

DT thuần
Q3/25
121
tỷ VNĐ
QoQ: ▼187| -60.6%
YoY: ▲ 39.4| 48.9%

LN thuần
Q3/25
12.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼79.3| -86.6%
YoY: ▲ 4.32| 55.3%

LN sau thuế
Q3/25
9.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼63.3| -87.0%
YoY: ▲ 3.21| 51.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
9.8%
YoY: +/-▼ 20.0%

ROE (TTM)
Q3/25
7.1%
YoY: +/-▲ 0.2%

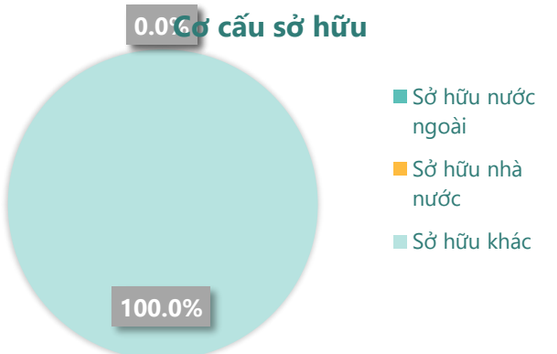
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	24,269 - 29,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,738
Số lượng CPLH (CP)	136,414,258
KLGD BQ 20 phiên (CP)	834,535
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.45
EPS	747
P/E	36.7

DT thuần
9T 2025
536
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 82.0| 18.0%

LN thuần
9T 2025
114
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.8| 26.8%

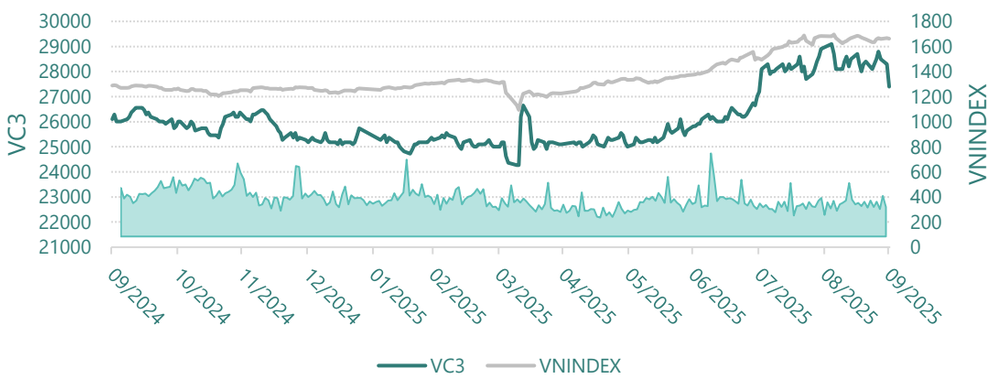
LN sau thuế
9T 2025
88.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.6| 70.1%

Cơ cấu sở hữu

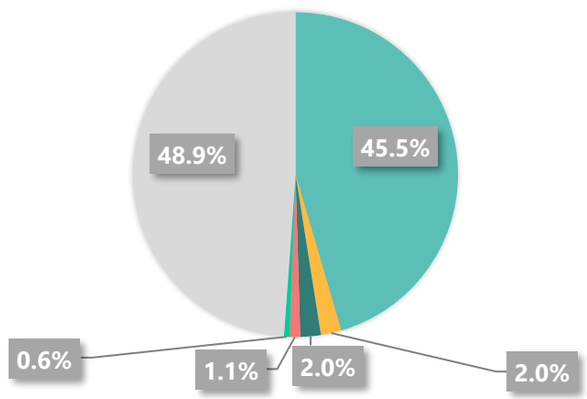


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



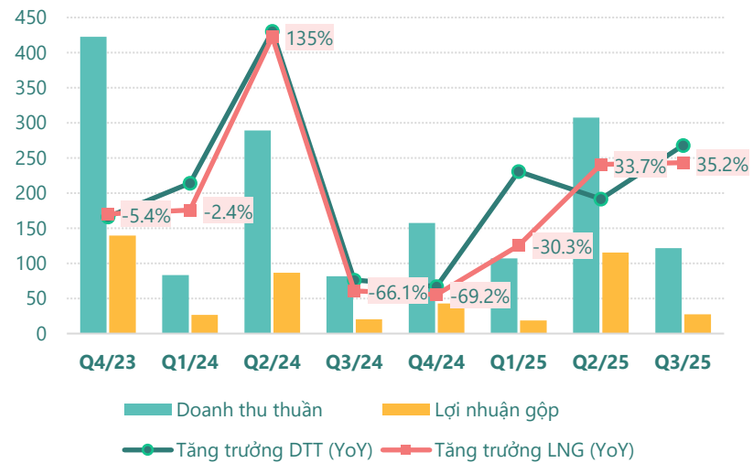
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

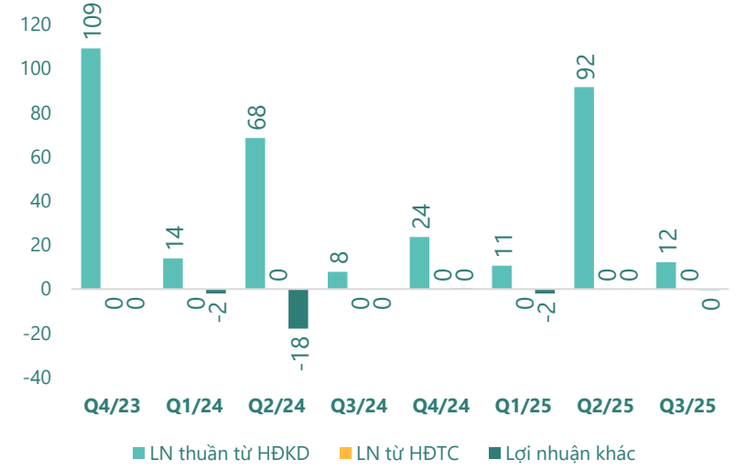
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



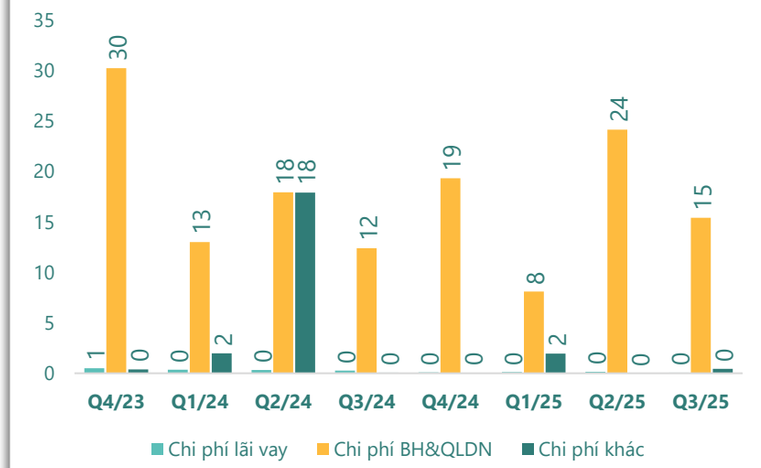
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



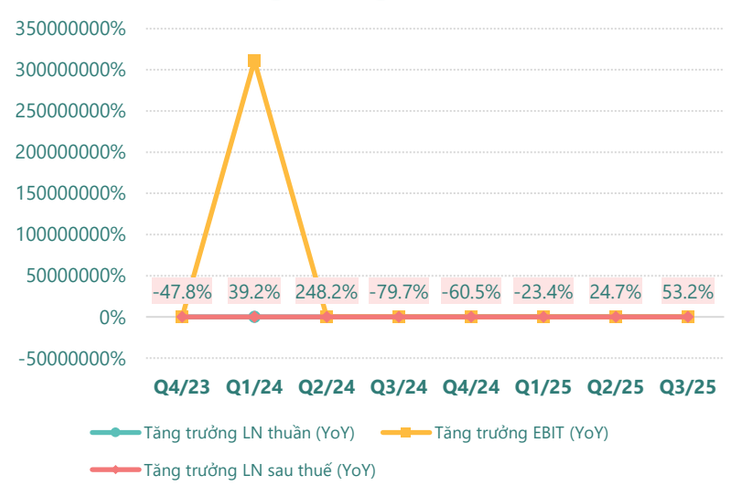
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



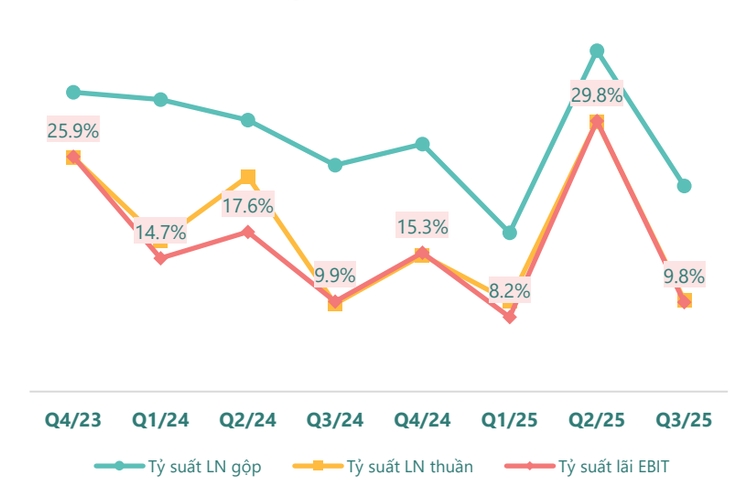
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



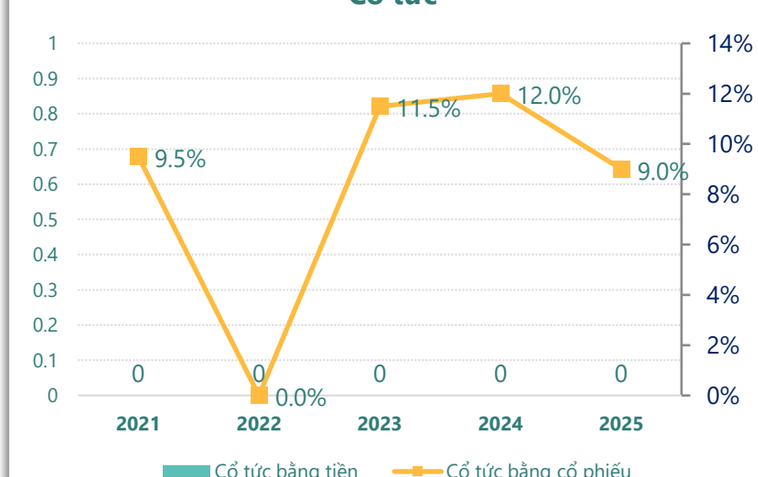
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



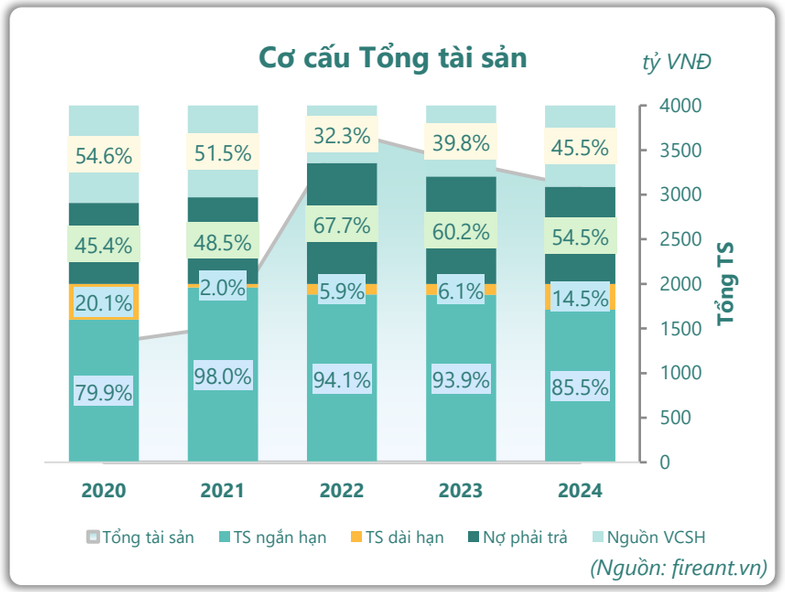
(Nguồn: fireant.vn)

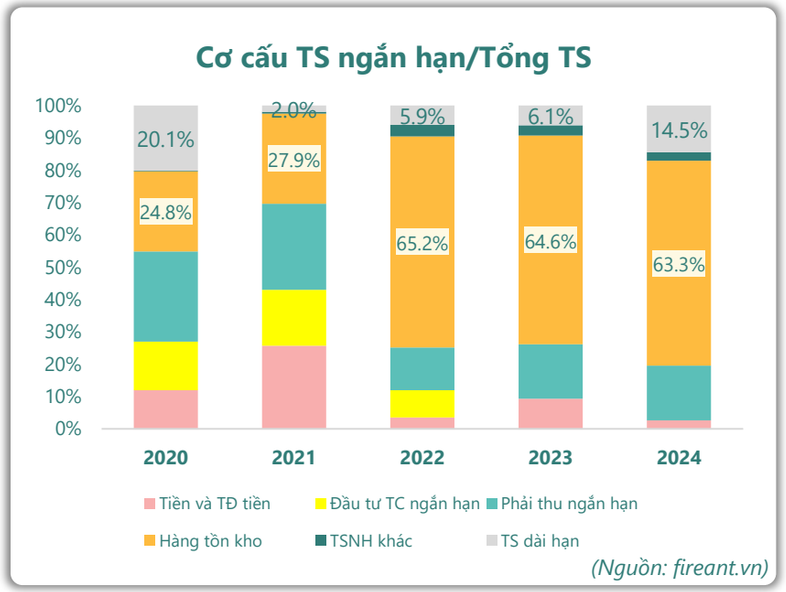
Cổ tức

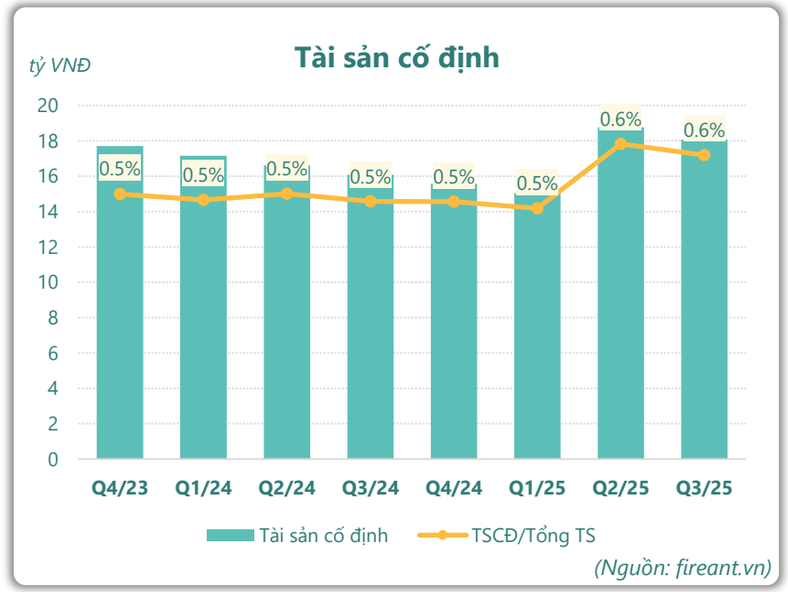


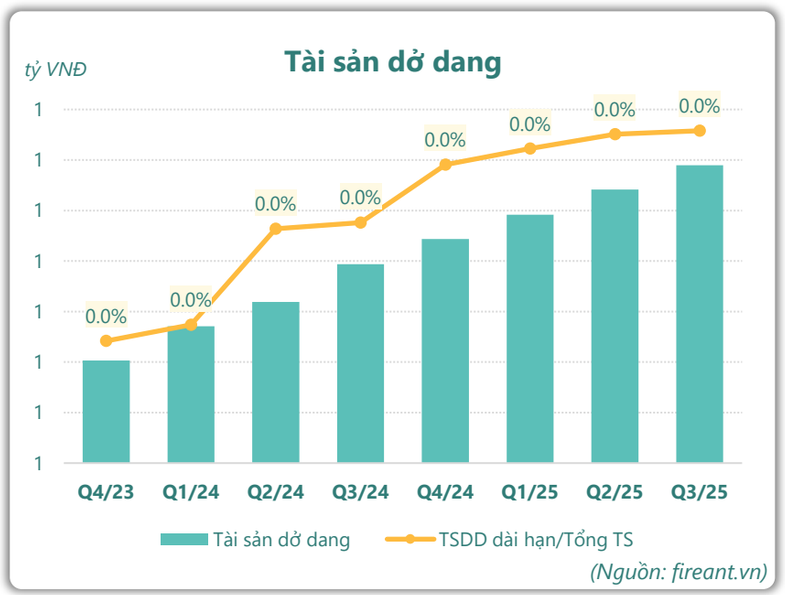
(Nguồn: fireant.vn)

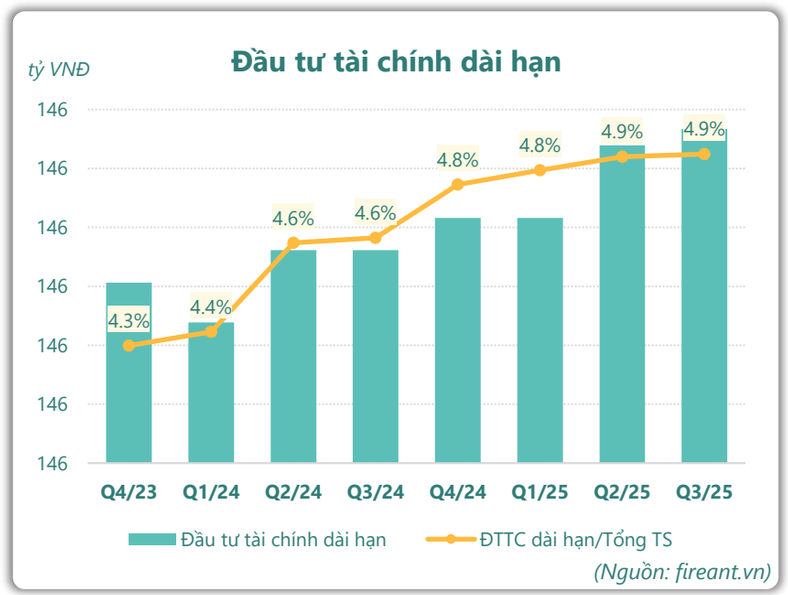
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

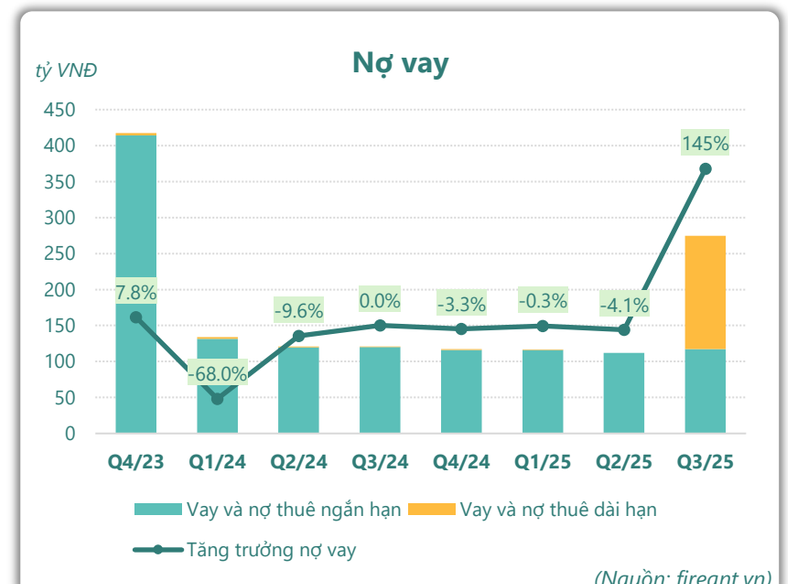






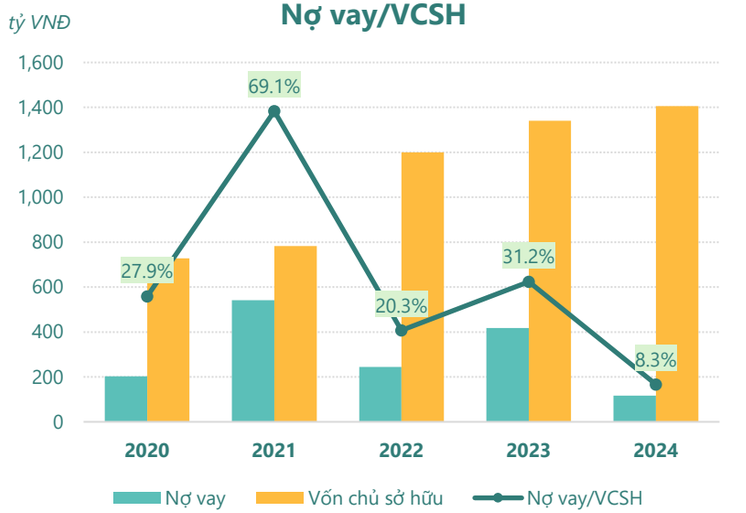






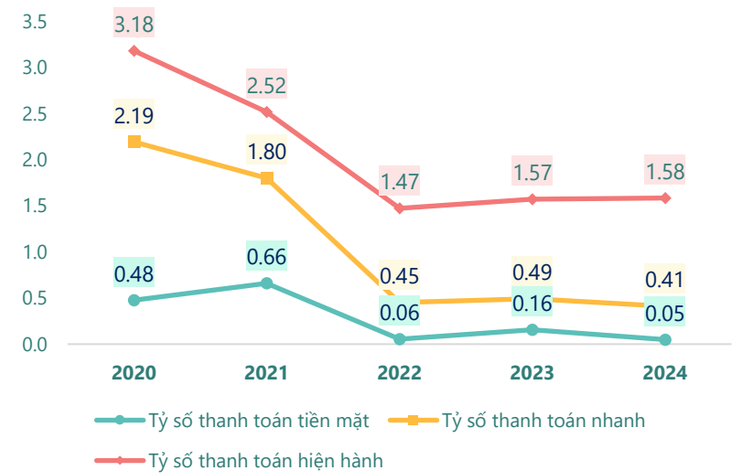
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



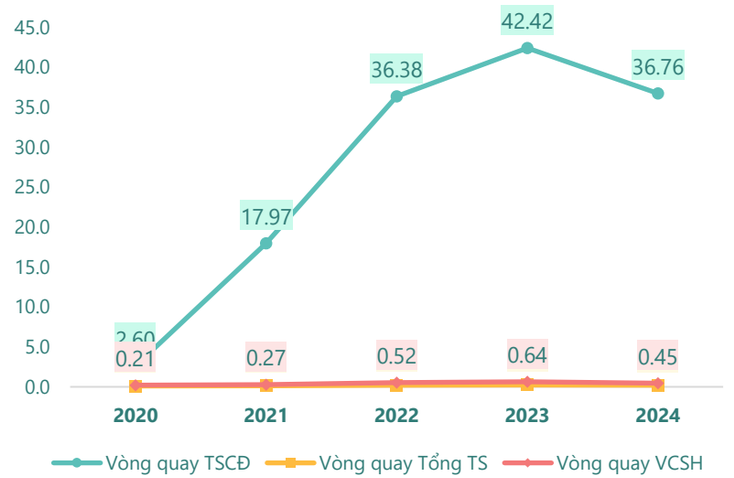
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



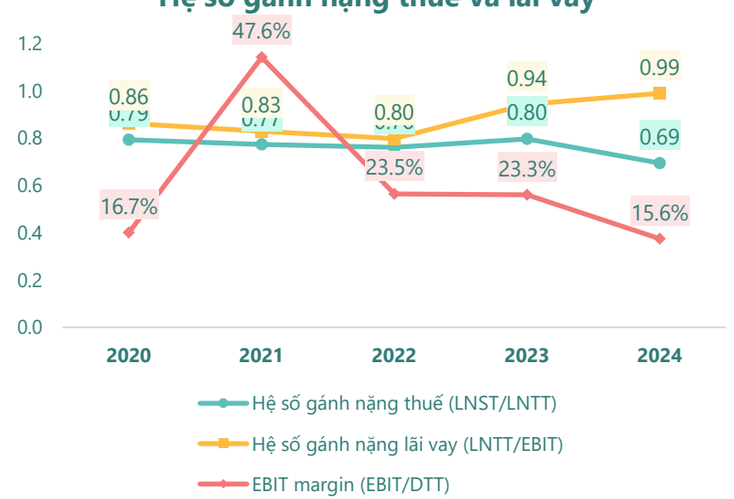
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



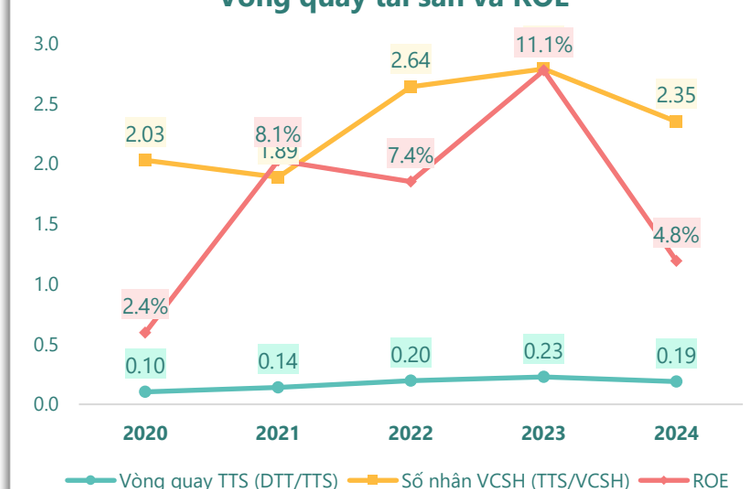
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



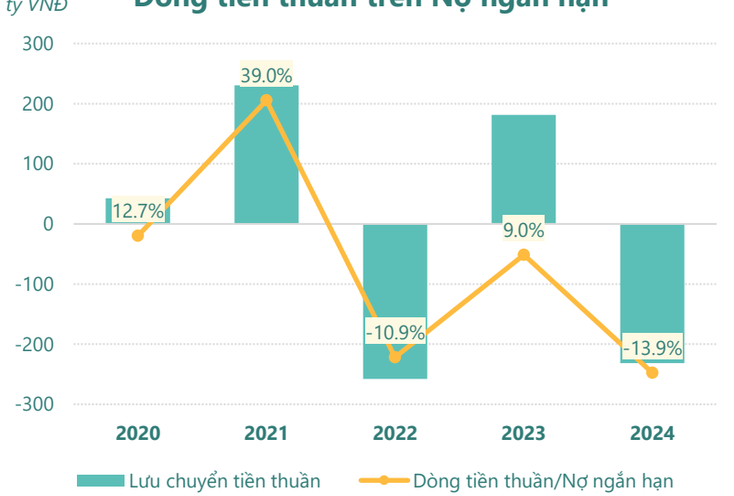
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**121**	**81.6**	**48.9%**	**536**	**454**	**18.0%**
Giá vốn hàng bán	93.9	61.2	53.5%	374	320	16.8%
Lợi nhuận gộp	27.5	20.4	35.0%	162	134	21.1%
Doanh thu HĐTC	0.19	0.19	-1.6%	0.57	0.87	-34.8%
Chi phí TC	0.07	0.26	-72.5%	0.34	0.91	-63.2%
Chi phí lãi vay	0.07	0.26	-72.5%	0.34	0.91	-63.2%
LN trong công ty LKLD	**0.01**	**0.00**		**0.05**	**0.03**	**40.3%**
Chi phí bán hàng	6.12	5.93	3.2%	22.6	20.1	12.4%
Chi phí QLDN	**9.31**	**6.49**	**43.4%**	**25.1**	**23.2**	**7.8%**
LN thuần từ HĐKD	12.2	7.88	55.3%	114	90.2	26.8%
Lợi nhuận khác	**-0.36**	**-0.04**	**-791%**	**-2.27**	**-19.9**	**88.6%**
LN trước thuế	11.9	7.84	51.5%	112	70.3	59.4%
Lợi nhuận sau thuế	**9.48**	**6.27**	**51.2%**	**88.8**	**52.2**	**70.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.42**	**6.27**	**50.3%**	**88.7**	**52.2**	**70.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	189	-163	133	-44.0	188	-305
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.44	-0.09	-132	0.07	-4.28	5.97
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.55	0.05	-3.94	-0.40	-4.74	163
Tiền đầu kỳ	61.5	248	84.9	82.0	37.7	217
Lưu chuyển tiền thuần	**186**	**-163**	**-2.90**	**-44.3**	**179**	**-136**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	248	84.9	82.0	37.7	217	80.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,002**	**3,087**	**-2.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,478	2,641	-6.2%
Tiền và tương đương tiền	80.8	82.0	-1.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	664	522	27.3%
Hàng tồn kho	1,668	1,955	-14.7%
Tài sản ngắn hạn khác	64.6	81.4	-20.7%
Tài sản dài hạn	**525**	**446**	**17.6%**
Phải thu dài hạn	268	268	0.0%
Tài sản cố định	18.1	15.6	16.1%
Bất động sản đầu tư	10.5	12.3	-14.8%
Tài sản dở dang	0.71	0.71	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	146	146	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.66**	**3.25**	**-49.1%**
Lợi thế thương mại	79.4	0	
Nợ phải trả	1,508	1,681	-10.3%
Nợ ngắn hạn	**1,340**	**1,667**	**-19.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	117	116	0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	242	414	-41.5%
Nợ dài hạn	168	13.6	1136%
Vay và nợ thuê dài hạn	157	0.84	18616%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,495**	**1,406**	**6.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,495**	**1,406**	**6.3%**
Vốn điều lệ	1,364	1,252	9.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)